

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: V - NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp: 18CTT1

Số tín chỉ: 02

Ngày thi: 19/03/2021

Môn: Nói 5 - Tiếng Trung

Hệ: CĐCQ

Phòng thi: 03

Địa điểm thi: Số 12 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Trương Thị Kim	Anh	31/05/2000	6.3	Sáu ba	
2	Nguyễn Thị Phương	Bình	07/12/1999	5.8	Năm tám	
3	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	14/11/1999	6.5	Sáu năm	
4	Trần Vương Hoàng	Diệu	09/12/2000	7.3	Bảy ba	
5	Phạm Thị Huyền	Dịu	15/02/1998	9.0	Chín	
6	Võ Khánh	Duy	19/09/2000	7.5	Bảy năm	
7	Lai Lâm Trúc	Giang	02/10/1999	7.5	Bảy năm	
8	Liu Mỹ	Hà	16/12/2000	8.5	Tám năm	
9	Nguyễn Thị	Hà	16/06/2000	4.8	Bốn tám	
10	Ngô Thị	Hiền	28/07/1998	6.8	Sáu tám	
11	Điêu Thị	Hiệp	02/02/2000	7.3	Bảy ba	
12	Đặng Quốc	Hòa	11/11/2000	7.5	Bảy năm	
13	Nguyễn Thị Kim	Huệ	17/11/2000	8.0	Tám	
14	Võ Phạm Mai	Hương	21/06/1997	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/09/2000	7.3	Bảy ba	
16	Hồ Anh	Kiệt	23/10/1999	7.3	Bảy ba	
17	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	27/04/2000	7.5	Bảy năm	
18	Võ Thị Mộng	Kiều	18/11/2000	7.5	Bảy năm	
19	Sàn Lộc	Múi	18/10/1978	6.8	Sáu tám	
20	Trần Thị Ni	Na	14/04/1998	7.5	Bảy năm	
21	Huỳnh Lê Thảo	Ngân	20/05/2000	7.0	Bảy	
22	Trần Thị Bích	Ngân	13/09/2000	8.0	Tám	
23	Ngô Phương	Nhà	26/12/2000	7.5	Bảy năm	
24	Vy Thị Ngọc	Nhi	30/11/2000	6.8	Sáu tám	
25	Ngô Thị	Nhung	27/11/2000	7.0	Bảy	
26	Võ Thị Thu	Phương	08/03/2000	7.8	Bảy tám	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
27	Phạm Huỳnh	Quyên	07/09/2000	7.5	Bảy năm	
28	Đào Thị	Tâm	01/11/2000	6.8	Sáu tám	
29	Đào Thị Bích	Thủy	18/02/2000	6.8	Sáu tám	
30	Phạm Thị Thanh	Thủy	13/12/2000	7.5	Bảy năm	
31	Phan Thuận	Tích	26/06/2000	7.5	Bảy năm	
32	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/11/1999	7.5	Bảy năm	
33	Nguyễn Lê Minh	Tiến	10/06/2000	9.0	Chín	
34	Võ Ngọc	Trâm	13/08/2000	8.0	Tám	
35	Đỗ Trần Mai	Trâm	13/07/2000	7.5	Bảy năm	
36	Phùng Thị Thùy	Trang	16/01/2000	6.3	Sáu ba	
37	Hà Thị Thu	Trang	08/09/2000	8.3	Tám ba	
38	Trần Thị Bích	Tuyền	15/10/2000	7.3	Bảy ba	
39	Lưu Thị Lệ	Uyên	13/11/2000	6.8	Sáu tám	
40	Trần Mỹ Viện Tường	Vân	21/06/1997	7.5	Bảy năm	
41	Lê Thị Cẩm	Xuyến	28/02/1999	6.3	Sáu ba	

Số SV dự thi: 41

Số SV vắng thi: 01

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ:

Phòng Khảo thí & ĐBCL


ThS. Nguyễn Thanh Quí